

Số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vành Si Tha;
2. Ông Chau Khiêng Sốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 298/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX- DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 18, ấp TB, xã TĐ, huyện TT.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1982; cư trú: Tổ 24, ấp VQ, xã Lạc LQ, huyện TT.

(Tại phiên tòa, bà L có mặt; ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10//2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Đ được hình thành là do cha mẹ định đoạt, đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 1998. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã LQ, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 12/9/2014. Cuộc sống chung ngay từ đầu không hạnh phúc, do không có tình cảm, bởi ông Đ có lối sống khắc khe, bạo lực, nhưng bà cố chịu đựng mong ông có ngày thay đổi bản tính, nhưng ông chẳng những không thay đổi mà ngày càng bộc lộ bản chất, đánh đập bà nhiều hơn, đến năm 2017 thì bà ly thân với ông Đ, trong thời gian

ly thân gia đình hai bên bỏ mặt, không đứng ra hàn gắn. Nay bà xét thất tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Đ có 02 con chung: 1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/10/2000; 2/ Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 10/9/1999. Hiện hai con đã trưởng thành, sống tự lập, khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông Đ không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Văn Đ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L – ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Đ có hành hung đánh đập bà...nên bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung đã trưởng thành, sống tự lập; tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà L khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông Đ, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Đ có địa chỉ cư trú tại xã LQ, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông Đ được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L - ông Đ kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 29 ngày 12/9/2014, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông Đ có lối sống khắc khe, bạo lực... bà cố chịu đựng, nhưng ông chẳng những không thay đổi mà ngày càng bộc lộ bản chất, đánh đập bà nhiều hơn...bà và ông Đ ly thân đã lâu, gia đình hai bên bỏ mặt không đứng ra hàn gắn...

Qua trình bày của bà L, mặc dù ông Định vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 10/12/2020 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà L – ông Đ có mâu thuẫn từ hơn 01 năm nay, từ mâu thuẫn vợ chồng nên ông Đ đi làm công nhân trên Bình Dương, còn bà L bỏ nhà đi làm thuê ở xã TĐ, hai người không còn liên lạc và quan tâm nhau, là người thân trong gia đình có liên hệ ông Đ thì được ông cho biết là hiện ông không còn tình cảm với bà L nữa, nhưng do điều kiện công việc ông không thể về ký giấy ly hôn...bản thân là người cung cấp xét thấy, khả năng bà L – ông Đ hàn gắn để chung sống lại là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà L – ông Đ đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Mỹ C, hiện cả đã trưởng thành, sống tự lập và khi ly hôn bà L không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: Bà L khai không có nợ chung. Tuy nhiên do ông Đ vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông Đ có chứng cứ khác chứng minh có nợ chung và ông Đ có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ con chung: 1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/10/2000; 2/ Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 10/9/1999. Hiện hai con đã trưởng thành, sống tự lập.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000407 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (bà L nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã LQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ